

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Số: 338/TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 1957

NGHỊ ĐỊNH

CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 338/TTG NGÀY 27 THÁNG 7 NĂM 1957 BAN HÀNH BẢN ĐIỀU LỆ TẠM THỜI
VỀ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG DÂN CÔNG TRONG THỜI KỲ KIẾN THIẾT HÒA BÌNH

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Để đảm bảo thực hiện những công cuộc kiến thiết có lợi ích chung cho nhân dân;

Theo đề nghị của Bộ Lao động;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ,

Nghị định

Điều 1. Nay ban hành bản điều lệ tạm thời về huy động và sử dụng dân công trong thời kỳ kiến thiết hòa bình, kèm theo nghị định này.

Điều 2: Các ông Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Kiến trúc, Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện, Bộ trưởng Bộ Tài chính và các ông chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh và thành phố chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

ĐIỀU LỆ

TẠM THỜI CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 339-TTG

NGÀY 27 THÁNG 7 NĂM 1957 VỀ HUY ĐỘNG VÀ

SỬ DỤNG DÂN CÔNG TRONG THỜI BÌNH

Trong thời kỳ kháng chiến, nhân dân ta đã từng chịu đựng gian khổ, hăng hái làm nghĩa vụ dân công, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Từ ngày hòa bình lập lại, một số lớn công trình giao thông, thủy lợi và một số công tác khác đã được hoàn thành, cũng nhờ sự đóng góp sức lực của nhân dân.

Trong công cuộc khôi phục và kiến thiết kinh tế, Nhà nước còn phải dựa vào nhân dân để làm công việc ích lợi cho nhân dân.

Vì vậy, mỗi người công dân có nghĩa vụ phải đi dân công, hăng hái công tác, thi đua tăng năng suất lao động, bảo đảm hoàn thành nhanh, tốt và rẻ những công trình kiến thiết của Nhà nước.

Để bảo đảm việc thực hiện kế hoạch, phát triển sản xuất và để giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân, cho thích hợp với thời kỳ kiến thiết hòa bình, từ nay:

- Huy động dân công chủ yếu là để làm một số công tác nhất định về thủy lợi, giao thông và vận tải;
- Thời gian đi dân công hàng năm có hạn định;
- Dân công tỉnh nào làm việc ở tỉnh ấy hoặc ở những tỉnh lân cận.
- Chế độ làm việc của dân công chủ yếu là làm khoán.

CHƯƠNG I

NHỮNG NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ ĐI DÂN CÔNG

Điều 1: Tất cả công dân Việt Nam, đàn ông từ mười tám đến năm mươi tuổi, đàn bà từ mười tám đến bốn mươi năm tuổi đều có nghĩa vụ đi dân công.

Điều 2: Để bảo đảm thực hiện các kế hoạch kiến thiết của Nhà nước, mà không trở ngại đến sự thực hiện kế hoạch sản xuất của các ngành và sự hoạt động của bộ máy chính quyền, đồng thời bảo đảm sự thực hiện các chính sách chiếu cố của Chính phủ đối với một số người, những người sau đây được miễn, tạm miễn, hoặc tạm hoãn đi dân công:

A. ĐƯỢC MIỄN ĐI DÂN CÔNG

- Ủy viên thường trực Ủy ban hành chính xã, thị trấn,
- Thư ký văn phòng Ủy ban hành chính xã, thị trấn,
- Giao thông, liên lạc xã, thị trấn,
- Trưởng ban thống kê xã, thị trấn.
- Cán bộ y tế, nữ hộ sinh nếu ở xã, thị trấn chỉ có một cán bộ y tế, một nữ hộ sinh,
- Thương binh,

- Vợ hay chồng người thương binh tàn phế, nếu người thương binh phải sống nhờ vào vợ hay chồng.
- Cán bộ và nhân viên Chính phủ, giao viên các trường công, trường dân lập, trường tư.
- Công nhân và lao động đang làm việc trong các xí nghiệp Nhà nước (xí nghiệp, hầm mỏ, công trường, nông trường, lâm trường) và các xí nghiệp tư nhân,
- Những người làm nghề tôn giáo chuyên nghiệp như: mục sư, linh mục, tu sĩ, cô mục, sư, chức sắc, thầy mo (vùng thiểu số),
- Người tàn tật hoặc có bệnh kinh niên không thể làm được việc nặng.

B. ĐƯỢC TẠM MIỄN ĐI DÂN CÔNG

- Giáo viên Bình dân học vụ đang dạy học
- Bộ đội phục viên về xã chưa được một năm
- Cán bộ, nhân viên Chính phủ ra ngoài biên chế trở về xã chưa được một năm.
- Đồng bào miền Nam ra Bắc đi sản xuất tự túc chưa được một năm.
- Học sinh các trường công và tư.
- Phụ nữ có thai.
- Đàn bà nuôi con nhỏ chưa được một năm. Trong trường hợp đưa con, chưa bỏ bú, gia đình không có người trông nom, thì người mẹ có thể được tạm miễn đến một năm rưỡi.

C. ĐƯỢC TẠM HOÃN ĐI DÂN CÔNG

- Người trực tiếp làm nghề thủ công, đã ký hợp đồng sản xuất với Mậu dịch quốc doanh được tạm miễn trong thời gian thi hành hợp đồng.
- Người đánh cá, làm muối trong thời vụ đánh cá, làm muối.
- Người sơn tràng trong khi đang làm cho một kế hoạch của Nhà nước.
- Người được nhân dân bình nghị công nhận là lao động chính duy nhất để nuôi sống cả gia đình, gồm những người già, trẻ con hoặc người tàn tật.

CHƯƠNG II

NHỮNG VIỆC ĐƯỢC SỬ DỤNG DÂN CÔNG

Điều 3: Được huy động dân công để làm những công tác sau đây:

1. Công tác thủy lợi gồm có: đê điều (đê sông và đê biển) công trình đại và trung thủy nông.

Trong việc làm đê điều và thủy nông, được coi là đi dân công, những người làm những công việc thuộc về khảo sát, xây dựng những công trình mới, hoặc sửa chữa những công trình bị hư hỏng lớn.

Không coi là đi dân công những người làm những công tác ở địa phương như: chống lụt, chống hạn, chống bão, chống úng thủy, những việc thuộc về bảo vệ, sửa chữa thường xuyên những quãng đê, những nông giang, những việc về tiểu thủy nông trong phạm vi một xã. Mỗi khi xét cần thiết làm những công việc này, thì chính quyền và các đoàn thể địa phương động viên nhân dân tự nguyện ra làm.

Khi cần tu sửa chữa những đê bao quanh thành phố thì huy động nhân dân thành phố ra làm. Nếu lực lượng nhân dân thành phố không đủ thì huy động thêm dân công ở các xã lân cận đến làm.

2. Công tác về giao thông gồm có: làm mới và tu sửa các đường giao thông liên huyện, hàng tỉnh, liên tỉnh và đường quốc lộ. Công việc sửa chữa những đường giao thông bị mưa bão hay nước lũ làm sụt, lở, cắt đứt.

3. Công tác vận tải tiếp tế cho bộ đội ở những vùng rừng núi không thể dùng được những phương tiện vận tải như ô tô, thuyền, xe trâu, ngựa thồ và không thể thuê mượn được nhân công.

- Những công tác đặc biệt được Thủ tướng phủ cho phép dùng dân công.

Đối với miền núi, ngoài những công việc quy định chung trên đây, có thể được huy động dân công để làm thêm các việc như sau: công tác tiểu thủy nông, làm mới và tu sửa các đường giao thông liên xã và hàng huyện hoặc châu; công tác khảo sát cầu đường; giúp việc khai vét lòng sông để tiện việc giao thông đường thủy; làm công tác xây dựng trường học, bệnh viện, chợ và nhà cửa của cơ quan Nhà nước từ cấp huyện hoặc châu trở lên, trong trường hợp thiếu nhân công.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI ĐI DÂN CÔNG

Điều 4: Mỗi người mỗi năm đi dân công làm việc trên các công trường ba mươi ngày, không tính ngày đi, ngày về và ngày nghỉ.

Điều 5: Sau chín ngày làm việc liên tiếp, dân công được nghỉ một ngày. Mỗi ngày dân công làm việc 9 giờ. Ở miền núi, về mùa đông hay trong trường hợp phải làm việc trên đèo cao hoặc làm việc xa nơi ở, thì có thể làm việc tám giờ một ngày.

Điều 6: Trên công trường, dân công phải tôn trọng kỷ luật lao động, chăm chỉ làm việc, bảo đảm số lượng và chất lượng công tác. Dân công phải phục tùng tổ chức lãnh đạo, tôn trọng và bảo vệ của công, không xâm phạm đến tài sản của nhân dân, giữ bí mật quốc gia, đề phòng phá hoại.

Điều 7: Dân công được tham gia ý kiến vào sự tổ chức làm việc và tổ chức đời sống ở công trường.

Điều 8: Dân công tỉnh nào làm việc trong phạm vi tỉnh ấy.

Đối với miền núi, dân công huyện hoặc châu nào làm việc trong phạm vi huyện hoặc châu ấy. Gặp trường hợp tỉnh hay huyện, châu thiếu dân công hoặc công trình làm có lợi chung cho hai ba tỉnh hay hai ba huyện, châu tiếp giáp nhau, thì Ủy ban hành chính khu, tỉnh sẽ huy động dân công những tỉnh, huyện, châu lân cận cùng làm.

Điều 9: Khi đến làm việc ở công trường, dân công phải đem theo dụng cụ làm việc của mình; các cơ quan sử dụng dân công phải thông tri cho xã biết để báo cho dân công chuẩn bị, chu đáo trước khi đến công trường. Những dụng cụ của công trường giao cho dân công, nếu vì không giữ gìn cẩn thận mà để mất mát hoặc hư hỏng nặng, thì dân công phải đền.

Điều 10: Chế độ làm việc của dân công trên công trường chủ yếu là làm khoán; trừ một vài việc không thể giao khoán được thì mới giao làm công nhật.

Làm khoán có hai hình thức:

1. Giao khoán cho xã: tức là công trường giao cho xã một khối lượng công tác, định thời gian phải hoàn thành và định số tiền thù lao, để cho xã bố trí dân công làm tốt khối lượng công tác ấy. Nếu làm xong trước thời hạn, đúng chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật, thì dân công được về trước, được coi như đã làm đủ số ngày công và được hưởng toàn bộ số tiền thù lao đã định.
2. Giao khoán tại công trường: tức là công trường giao cho từng đơn vị dân công một khối lượng công tác, định thời gian phải hoàn thành và định số tiền thù lao. Nếu dân công làm xong trước thời hạn, đúng chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật, thì dân công được về trước, được coi như đã làm đủ số ngày công và được hưởng toàn bộ số tiền thù lao đã định.